

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-PT
Ngày: 30-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLPT-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo N.H.M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 115/2020/HSST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân TPBT, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **N.H.M** (Đ), sinh năm 1997 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Số xC, Khu phố x, Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.H.T và bà P.T.T.P; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo N.D.C (CS) và P.T.T (TB) nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/5/2020, N.D.C điều khiển xe mô tô hiệu Dream chở N.H.M đến công viên Hoàng Lam thuộc Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre chơi thì gặp N.B.N và N.V.Q đang ngồi chơi. N.D.C và N.H.M đến làm quen và mượn điện thoại hiệu Samsung Galaxy A6, màu xanh của N.B.N để điện thoại, sau đó trả lại. N.D.C, N.H.M rủ N.B.N, N.V.Q đi vòng vòng chơi thì N.B.N, N.V.Q đồng ý. N.D.C điều khiển xe mô tô hiệu Dream chở N.H.M ngồi sau, còn N.B.N điều khiển xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx chở N.V.Q ngồi sau. N.D.C chở N.H.M chạy song song với xe của N.B.N và N.V.Q, khi đến khu vực đầu hẻm BH thuộc Khu phố x, Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre thì N.D.C nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của N.B.N nên giả vờ hỏi mượn điện thoại của N.B.N, sau khi nhận được điện thoại của N.B.N, N.D.C liền chuyển cho N.H.M ngồi sau cầm, giữ rồi nhanh chóng tăng ga xe tẩu thoát để chiếm đoạt. Thấy vậy, N.B.N chở N.V.Q đuổi theo N.D.C và N.H.M để đòi lại điện thoại. Khi đến đầu đường NQ thuộc phường AH, TPBT, tỉnh Bến Tre thì N.B.N, N.V.Q đuổi kịp N.D.C và N.H.M. Lập tức, N.D.C dừng xe lại, tìm hai thanh sắt phi 08 dài khoảng 01 mét ở công trình xây dựng gần đó và đưa cho N.H.M 01 cây rồi cùng nhau đe dọa đánh N.B.N và N.V.Q làm N.B.N và N.V.Q sợ bỏ đi. N.D.C lên xe chở N.H.M chạy về hướng Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre nhưng khi đến cầu Nhà Thương thì thấy N.B.N và N.V.Q tiếp tục bám theo. N.D.C tiếp tục chở N.H.M chạy đến đầu hẻm Tổ nhân dân tự quản số x, xx, khu phố BT, Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre. Tại đây, N.D.C gặp P.T.T và nói với P.T.T là N.D.C bị người khác đuổi đánh. Nghe vậy, P.T.T lên xe N.D.C chở quay lại tìm N.B.N và N.V.Q để đánh. Khi xe N.B.N và N.V.Q chạy vào hẻm NH, Tổ nhân dân tự quản số x, x, khu phố BT, Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre thì N.D.C, N.H.M và P.T.T cũng chạy đến. N.H.M không muốn tham gia đánh N.B.N và N.V.Q nên ở ngoài chờ, còn N.D.C và P.T.T mỗi người cầm 01 cây gỗ đi vào hẻm tìm N.B.N và N.V.Q. Khi N.D.C và P.T.T đuổi kịp N.B.N thì cả hai cùng xông đến dùng cây đánh nhiều cái vào người N.B.N gây thương tích và làm N.B.N ngất xỉu, riêng N.V.Q chạy thoát. Thấy N.B.N bất tỉnh, P.T.T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của N.B.N nên đến mở cốp xe mô tô biển số 71B3 - xxx.xx của N.B.N lục tìm tài sản để lấy nhưng không thấy tài sản gì, P.T.T tiếp tục mở giỏ màu đen N.B.N đang đeo trước ngực, lấy ra 01 cái bóp màu đen rồi lục tìm tài sản trong bóp nhưng cũng không có tài sản nên quăng bỏ lại. Sau đó, N.D.C chở N.H.M và P.T.T về, N.D.C đem cầm chiếc điện thoại chiếm đoạt được của N.B.N cho Huỳnh Hoàng Linh được 300.000 đồng rồi cùng với N.H.M mua ma túy sử dụng hết.

Vật chứng thu giữ:

- 01 thanh gỗ kích thước 87cm x 3,8cm x 02cm;
- 01 thanh gỗ kích thước 86cm x 2,5cm x 01cm;
- 01 thanh gỗ kích thước 68cm x 2,5cm x 2,5cm;
- 01 thanh gỗ kích thước 80cm x 2,5cm x 2,5cm;
- 01 điện thoại di động màu xanh dương hiệu Samsung Galaxy A6, Imei 1: 357931/09/xxxxxx/x, Imei 2: 357932/09/xxxxxx/x.

Theo Bản kết luận định giá số 383/KL-HĐĐG ngày 15/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản TPBT kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A6, Imei 1: 357931/09/xxxxxx/x, Imei 2: 357932/09/xxxxxx/x, trị giá tài sản ngày 05/5/2020 là: 2.240.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 115/2020/HS-ST ngày 23-12-2020 của Tòa án nhân dân TPBT, tỉnh Bến Tre, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo N.H.M phạm “Tội cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.H.M 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 06-01-2021 bị cáo N.H.M kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: kháng cáo được làm trong hạn, đúng luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo N.H.M phạm “Tội cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về nội dung kháng cáo; xét kháng cáo của bị cáo nhận thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 03 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là đã có chiều cố khoan hồng, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nên kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy: Đối với tình tiết định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” của “Tội cướp giật tài sản” mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo

N.D.C và bị cáo N.H.M là không có căn cứ; bởi bị cáo N.D.C chỉ dùng thủ đoạn giả vờ mượn điện thoại để gọi, bị hại N.B.N tin nên đưa điện thoại cho bị cáo N.D.C và khi nhận được điện thoại thì bị cáo N.D.C tăng ga tẩu thoát, do đó đây không phải là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tuyên bị cáo P.T.T phạm “Tội cướp tài sản” là không có căn cứ; vì ngay từ đầu bị cáo P.T.T không có ý thức chiếm đoạt tài sản của bị hại N.B.N, chỉ sau khi bị hại N.B.N bị đánh ngất xỉu thì bị cáo P.T.T mới phát sinh ý định lục tìm tài sản nhưng không có tài sản gì, do đó hành vi của bị cáo P.T.T chỉ cấu thành “Tội cố ý gây thương tích”. Đối với hành vi của các bị cáo N.D.C, N.H.M và P.T.T rượt đuổi để đánh bị hại N.B.N và anh N.V.Q, mặc dù bị cáo N.H.M không trực tiếp tham gia đánh bị hại N.B.N, nhưng bị cáo N.H.M là người cùng rượt đuổi và khi bị cáo N.D.C cùng bị cáo P.T.T đánh bị hại N.B.N thì bị cáo N.H.M vẫn biết và ở ngoài giữ xe, nên hành vi của bị cáo N.H.M đồng phạm với bị cáo N.D.C và bị cáo P.T.T về “Tội cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên; do chỉ có bị cáo N.H.M kháng cáo và hiện tại Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo N.D.C và bị cáo P.T.T, nên không có căn cứ để xem xét hủy Bản án sơ thẩm, mà cần kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số: 115/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân TPBT, tỉnh Bến Tre và Bản án phúc thẩm này để điều tra xét xử lại. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.H.M; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.H.M 03 (ba) năm tù về “Tội cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc

thảm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 05/5/2020, tại Khu phố x, Phường x, TPBT, tỉnh Bến Tre, bị cáo N.D.C đã câu kết với bị cáo N.H.M sử dụng xe mô tô hiệu Dream cướp giật của anh N.B.N 01 điện thoại di động màu xanh dương, hiệu Samsung Galaxy A6 trị giá 2.240.000 đồng. Anh N.B.N đuổi theo để đòi lại tài sản thì bị cáo N.D.C và bị cáo N.H.M sử dụng thanh sắt đe dọa tấn công để tẩu thoát.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản nên đồng phạm với bị cáo N.D.C giả vờ hỏi mượn điện thoại di động của bị hại N.B.N, sau khi nhận được điện thoại di động do bị hại đưa đã nhanh chóng điều khiển xe mô tô tăng ga tẩu thoát, khi bị hại đuổi theo để lấy lại tài sản thì bị cáo đã dùng thanh sắt đe dọa tấn công để tẩu thoát; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Với ý thức, hành vi, thủ đoạn thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo N.H.M phạm “Tội cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” và “*Hành hung để tẩu thoát*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Kiểm sát viên cho rằng áp dụng tình tiết định khung “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” đối với bị cáo N.H.M là không có căn cứ; bởi bị cáo N.D.C chỉ dùng thủ đoạn giả vờ mượn điện thoại để gọi, bị hại N.B.N tin nên đưa điện thoại cho bị cáo N.D.C, khi nhận được điện thoại bị cáo N.D.C tăng ga tẩu thoát, do đó đây không phải là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Xét thấy các bị cáo N.D.C và N.H.M đã sử dụng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, sau khi bị hại N.B.N tin nên đưa điện thoại thì bị cáo N.D.C cùng bị cáo N.H.M nhanh chóng tăng ga tẩu thoát, vì vậy cấp sơ thẩm xác định bị cáo N.H.M phạm tội có tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” là đúng quy định pháp luật.

[5] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N.H.M, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo đồng phạm với vai trò giúp sức; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 03 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 03 năm tù đến 10 năm tù; sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị hại đuổi theo để lấy lại tài sản thì bị cáo đã dùng thanh sắt đe dọa tấn công để tẩu thoát; hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại mà còn gây hoang mang cho bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa tội phạm; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra; tại cấp phúc thẩm cũng không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới đối với bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ pháp luật.

[6] Kiểm sát viên cho rằng cần kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số: 115/2020/HSST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân TPBT, tỉnh Bến Tre và Bản án phúc thẩm này để điều tra xét xử lại. Xét thấy đề nghị này là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo N.H.M; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 115/2020/HS-ST ngày 23-12-2020 của Tòa án nhân dân TPBT, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.H.M 03 (ba) năm tù về “Tội cướp giật tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo N.H.M phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo N.D.C và P.T.T; phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân TPBT (3b);
- VKSND TPBT (1b);
- Công an TPBT (1b);
- Chi cục THADS TPBT (1b);
- UBND Phường x, TPBT (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông